

Số: 472/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 06 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1054/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Phạm Quý T, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Khu phố Bắc Yên, thị trấn K, huyện M, tỉnh B.

Tạm trú: 361/60/250 Tổ 23, Ấp 6, xã C, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà Trương Thị Thương L, sinh năm 1992;

Hộ khẩu thường trú: Khu phố Bắc Yên, thị trấn K, huyện M, tỉnh B.

Tạm trú: 54G/1 Dương Thị Mười, Tổ 8, Khu phố 5, phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: “V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Phạm Quý T và bà Trương Thị Thương L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2009(Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/2009 do UBND xã Yên Phong, huyện M, tỉnh B cấp ngày 21/10/2009). Nay ông Phạm Quý T và bà Trương Thị Thương L yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ông Phạm Quý T và bà Trương Thị Thương L có 01 người con chung tên Phạm Minh Đức, sinh ngày 01/8/2010. Giao con chung tên Minh Đức cho bà Trương Thị Thương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành

niên. Ông Phạm Quý T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Phạm Quý T và bà Trương Thị Thương L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Quý T và bà Trương Thị Thương L cùng xác nhận tiền tạm ứng lệ phí ông T nộp. Ông T – bà L thỏa thuận: Ông T tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quý T và bà Trương Thị Thương L thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyền số 01/2009 do UBND xã Yên Phong, huyện M, tỉnh B cấp ngày 21/10/2009 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Phạm Quý T và bà Trương Thị Thương L có 01 người con chung tên Phạm Minh Đức, sinh ngày 01/8/2010. Giao con chung tên Minh Đức cho bà Trương Thị Thương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Ông Phạm Quý T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 05/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Quý T và bà Trương Thị Thương L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Phạm Quý T và bà Trương Thị Thương L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Quý T tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Ông Phạm Quý T được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0105380 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Quý T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Quận 12, TPHCM;
- Chi Cục THADS Quận 12, TPHCM;
- UBND xã Yên Phong, huyện M, tỉnh B;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thanh Sang**